

c) Sàn nhà tiêu sạch, không có rêu trơn, giấy, rác;

d) Giấy vệ sinh bỏ vào lỗ tiêu (nếu là giấy tự tiêu) hoặc bỏ vào dụng cụ chứa giấy bẩn có nắp đậy;

đ) Không có ruồi hoặc côn trùng trong nhà tiêu;

e) Bệ xí sạch, không dính, đọng phân;

g) Nhà tiêu được che chắn kín, ngăn được nước mưa.

d) Sàn nhà tiêu sạch, không có rêu trơn, giấy, rác;

đ) Giấy vệ sinh bỏ vào lỗ tiêu (nếu là giấy tự tiêu) hoặc bỏ vào dụng cụ chứa giấy bẩn có nắp đậy;

e) Không có ruồi hoặc côn trùng trong nhà tiêu;

g) Bệ xí sạch, không dính, đọng phân;

h) Nhà tiêu được che chắn kín, ngăn được nước mưa.

V. NHÀ TIÊU TỰ HOẠI

1. Quy định về xây dựng:

a) Bể xử lý gồm 3 ngăn;

b) Bể chứa phân không bị lún, sụt;

c) Nắp bể chứa phân được trát kín, không bị rạn nứt;

d) Mặt sàn nhà tiêu nhẵn phẳng và không đọng nước;

đ) Bệ xí có nút nước;

e) Có ống thông hơi.

2. Quy định về sử dụng và bảo quản:

a) Có đủ nước dội, dụng cụ chứa nước dội không có bọt gầy;

b) Không có mùi hôi, thối;

c) Nước từ bể xử lý chảy vào cống hoặc hố thấm, không chảy tự do ra xung quanh;

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Thủ trưởng

Trần Chí Liêm

QUYẾT ĐỊNH số 09/2005/QĐ-BYT
ngày 11/3/2005 của Bộ trưởng
Bộ Y tế về việc ban hành Tiêu
chuẩn ngành: Tiêu chuẩn vệ
sinh nước sạch.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân
ngày 07/11/1989;

Căn cứ Nghị định số 49/2003/NĐ-CP
ngày 15/5/2003 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg

ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 24/12/1999;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng và Phòng chống HIV/AIDS - Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chuẩn ngành: Tiêu chuẩn vệ sinh nước sạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Cục trưởng Cục Y tế dự phòng và Phòng chống HIV/AIDS có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Các ông bà Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng và Phòng chống HIV/AIDS - Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Thứ trưởng

Trần Chí Liêm

TIÊU CHUẨN vệ sinh nước sạch

(ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BYT ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Nước sạch quy định trong tiêu chuẩn này là nước dùng cho các mục đích sinh hoạt cá nhân và gia đình, không sử dụng làm nước ăn uống trực tiếp. Nếu dùng trực tiếp cho ăn uống phải xử lý để đạt tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống ban hành kèm theo Quyết định số 1329/QĐ-BYT ngày 18/4/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với các hình thức cấp nước sạch hộ gia đình, các trạm cấp nước tập trung phục vụ tối đa 500 người và các hình thức cấp nước sạch khác.

III. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Các tổ chức, cá nhân khai thác nguồn nước cung cấp cho hộ gia đình hoặc nguồn cấp nước cho cụm dân cư dưới 500 người sử dụng.

2. Khuyến khích tất cả cơ sở cấp nước và các hộ gia đình áp dụng Tiêu chuẩn Vệ sinh nước ăn uống ban hành kèm theo Quyết định số 1329/2002/QĐ-BYT ngày 18/4/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. Bảng các giá trị tiêu chuẩn:

Số thứ tự	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Phương pháp thử	Mức độ kiểm tra (*)
I. Chỉ tiêu cảm quan và thành phần vô cơ					
1	Màu sắc	TCU	15	TCVN 6187 - 1996 (ISO 7887 - 1985)	I
2	Mùi vị		Không có mùi vị lạ	Cảm quan	I
3	Độ đục	NTU	5	TCVN 6184 - 1996	I
4	pH		6.0 - 8.5 (**)	TCVN 6194 - 1996	I
5	Độ cứng	mg/l	350	TCVN 6224 - 1996	I
6	Amoni (tính theo NH_4^+)	mg/l	3	TCVN 5988 - 1995 (ISO 5664 - 1984)	I
7	Nitrat (tính theo NO_3^-)	mg/l	50	TCVN 6180 - 1996 (ISO 7890 - 1988)	I
8	Nitrit (tính theo NO_2^-)	mg/l	3	TCVN 6178 - 1996 (ISO 6777 - 1984)	I
9	Clorua	mg/l	300	TCVN 6194 - 1996 (ISO 9297 - 1989)	I
10	Asen	mg/l	0.05	TCVN 6182 - 1996 (ISO 6595 - 1982)	I
11	Sắt	mg/l	0.5	TCVN 6177 - 1996 (ISO 6332 - 1988)	I
12	Độ ô-xy hóa theo KMnO_4	mg/l	4	Thường quy kỹ thuật của Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường	I
13	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200	TCVN 6053 - 1995 (ISO 9696 - 1992)	II
14	Đồng	mg/l	2	TCVN 6193 - 1996 (ISO 8288 - 1986)	II
15	Xianua	mg/l	0.07	TCVN 6181 - 1996 (ISO 6703 - 1984)	II
16	Florua	mg/l	1.5	TCVN 6195 - 1996 (ISO 10359 - 1992)	II

Số thứ tự	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Phương pháp thử	Mức độ kiểm tra (*)
17	Chì	mg/l	0.01	TCVN 6193 - 1996 (ISO 8286 - 1986)	II
18	Mangan	mg/l	0.5	TCVN 6002 - 1995 (ISO 6333 - 1986)	II
19	Thủy ngân	mg/l	0.001	TCVN 5991 - 1995 (ISO 5666/1 - 1983 ISO 5666/3 - 1989)	II
20	Kẽm	mg/l	3	TCVN 6193 - 1996 (ISO 8288 - 1989)	II
II. Vi sinh vật					
21	Coliform tổng số	vi khuẩn /100ml	50	TCVN 6187 - 1996 (ISO 9308 - 1990)	I
22	E. coli hoặc Coliform chịu nhiệt	vi khuẩn /100ml	0	TCVN 6187 - 1996 (ISO 9308 - 1990)	I

Giải thích:

1. (*) Mức độ kiểm tra:

a) Mức độ I: Bao gồm những chỉ tiêu phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng và kiểm tra ít nhất sáu tháng một lần. Đây là những chỉ tiêu chịu sự biến động của thời tiết và các cơ quan cấp nước cũng như các đơn vị y tế chức năng ở các tuyến thực hiện được. Việc kiểm tra chất lượng nước theo các chỉ tiêu này giúp cho việc theo dõi quá trình xử lý nước của trạm cấp nước và sự thay đổi chất lượng nước của các hình thức cấp nước hộ gia đình để có biện pháp khắc phục kịp thời.

b) Mức độ II: Bao gồm các chỉ tiêu cần trang thiết bị hiện đại để kiểm tra và ít biến động theo thời tiết. Những chỉ tiêu này được kiểm tra khi:

- Trước khi đưa nguồn nước vào sử dụng.
- Nguồn nước được khai thác tại vùng có nguy cơ ô nhiễm các thành phần tương ứng hoặc do có sẵn trong thiên nhiên.
- Khi kết quả thanh tra vệ sinh nước hoặc điều tra dịch tễ cho thấy nguồn nước có nguy cơ bị ô nhiễm.

- Khi xảy ra sự cố môi trường có thể ảnh hưởng đến chất lượng vệ sinh nguồn nước.

- Khi có nghi ngờ nguồn nước bị ô nhiễm do các thành phần nêu trong bảng tiêu chuẩn này gây ra.

- Các yêu cầu đặc biệt khác.

2. ()** Riêng đối với chỉ tiêu pH: giới hạn cho phép được quy định trong khoảng từ 6,0 đến 8,5./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Thủ trưởng

Trần Chí Liêm

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 08044417

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@yahoo.com

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng